

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2021

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân :

1/ Ông Trần Phú Nhuận.

2/ Bà Đỗ Thị A.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân Quận 10, số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 591/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2020, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXX-ST ngày 09/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 139/20B Phan Đăng Lưu, Phường A, quận B, Thành phố C.

Bị đơn: Bà Võ Ánh H, sinh năm 1970

Địa chỉ: 516 Bà Hạt, Phường E, Quận D, Thành phố C.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2020, trong quá trình tố tụng và tại bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T và bà H tự nguyện chung sống từ năm 1996 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận kết hôn 11, ngày 28/3/1996).

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột do kinh tế và nhiều vấn đề khác. Do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm nên Ông T nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Ông T xin được ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 03/02/1998 đã thành niên và Nguyễn Thành P, sinh ngày 14/7/2005. Bà H là người trực tiếp nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, bà H có bản tự khai xác định quá trình chung sống và kết hôn đúng như Ông T trình bày. Bà H đồng ý ly hôn với Ông T.

Về con chung: Bà H là người trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Thành P, sinh ngày 14/7/2005. Bà H yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi con một lần số tiền là 20.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11, ngày 28/3/1996 của Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Võ Ánh H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay Ông T yêu cầu ly hôn là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn bà H hiện đang cư trú tại địa chỉ 516 Bà Hạt, Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của Ông T, Hội đồng xét xử xét thấy :

Quá trình giải quyết vụ án, bà H và Ông T đều xác nhận hai bên hiện đang sống ly thân. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên gây gổ cãi nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm nên Ông T nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Ông T xin được ly hôn với bà H. Tại bản tự khai bà H cũng đồng ý ly hôn với Ông T. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình

xét thấy Ông T và bà H đều thuận tình ly hôn nhưng bà H lại không đến Tòa để tham gia hòa giải ghi nhận ý kiến nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xét ly hôn theo yêu cầu một bên của Ông T. Như phân tích, tình trạng vợ chồng của Ông T và bà H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nay Ông T xin ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Thành P, sinh ngày 14/7/2005 cho bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Bà H yêu cầu Ông T cấp dưỡng một lần 20.000.000 đồng cho trẻ Phước. Tại bản tự khai của Ông T xác định ông không biết chữ nên không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Bà H cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh Ông T có điều kiện kinh tế để thực hiện việc cấp dưỡng một lần cho con. Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tại khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.*”. Như vậy, theo yêu cầu cấp dưỡng của bà H thì Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 5/2021 đến tháng 7/2023 khi trẻ Phước thành niên với mức cấp dưỡng 741.000 đồng/ tháng (tương đương 20.000.000 đồng). Xét mức cấp dưỡng này phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 5, khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn :

Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Võ Ánh H (Ông T và bà H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận kết hôn 11, ngày 28/3/1996).

Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Thành Phước, sinh ngày 14/7/2005 cho bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 741.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con từ tháng 5/2021 cho đến khi trẻ Phước thành niên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468, Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Về hôn nhân gia đình: Ông T chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0049836 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng Ông T chịu.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND Phường 11, Quận 8
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Nhân